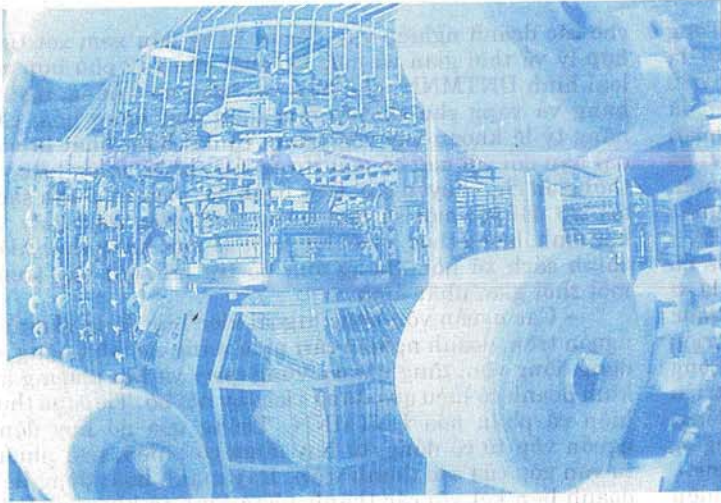




HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Hiệu quả kinh doanh của DNNN là một phạm trù kinh tế được biểu hiện bằng các chỉ tiêu đặc trưng kinh tế kỹ thuật, xác định trên cơ sở so sánh chỉ tiêu đầu ra và đầu vào của DNNN. Nó phản ánh trình độ sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao, từ đó khẳng định vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế quốc dân.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh của DNNN là vấn đề cấp bách và cần thiết nhằm thúc đẩy tăng trưởng chung cho toàn bộ nền kinh tế nước ta hiện nay. Vậy để đánh giá DNNN hoạt động có hiệu quả phải dựa vào cơ sở nào, dựa vào hệ thống chỉ tiêu nào? Vấn đề này cần phải làm rõ cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Tại Trung Quốc người ta chia quá trình sản xuất kinh doanh của DN làm 5 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn sản xuất, giai đoạn chu chuyển, giai đoạn thu lời và giai đoạn trưởng thành. Ở mỗi giai đoạn có các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn như: Tỷ lệ vốn tự có trên tổng vốn, mức trang bị vốn cho lao động, giá trị gia tăng bình quân đầu người, tỷ lệ thuế trên tổng vốn v.v... Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của từng giai đoạn liên kết thành hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của DNNN.

Tại Singapore việc đánh giá hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp không chỉ thực hiện ở cấp doanh nghiệp mà còn bao gồm cả các bộ phận trực thuộc doanh nghiệp. Ở cấp doanh nghiệp, trước đây chỉ tiêu đầu ra thường được sử dụng là doanh thu và lợi nhuận. Hiện nay chỉ tiêu giá

trị gia tăng được chú ý nhất, bởi vì nó phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cả đóng góp cho xã hội, cho doanh nghiệp và người lao động. Tại Singapore, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh doanh nghiệp được chia ra làm 5 nhóm: nhóm chỉ tiêu hiệu quả hoạt động chung (lợi nhuận trên tổng tài sản, giá trị gia tăng trên vốn hoạt động...), nhóm chỉ tiêu năng suất lao động (giá trị gia tăng trên một công nhân, giá trị gia tăng trên một đồng chi phí lao động...) nhóm chỉ tiêu hiệu quả vốn và mức trang bị vốn (giá trị gia tăng trên một đồng vốn cố định, lợi nhuận trên một đồng vốn cố định...), nhóm chỉ tiêu hiệu quả hoạt động (số vòng quay vốn, số vòng quay các khoản phải thu...), nhóm chỉ tiêu hiệu suất tài chính (tỷ lệ nợ trên tổng vốn, hệ số khả năng thanh toán...)

Theo dự án VIE 90/005 của Liên Hiệp Quốc, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: các chỉ tiêu về cấu trúc vốn (khả năng thanh toán vốn vay ngắn hạn, dài hạn), các chỉ tiêu về kết quả đầu tư (tỷ suất sinh lời của một đồng tài sản, một đồng vốn hoạt động)...

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ở những nước nêu trên bao gồm những chỉ tiêu cơ bản phản ánh hiệu quả, những chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, phản ánh tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên số lượng chỉ tiêu trong hệ thống quá nhiều, điều này khó có thể phục vụ để đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Ở Việt nam, trong cơ chế tập trung bao cấp, tiêu chuẩn đánh giá DNNN hoạt động có hiệu quả là hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước giao. Các chỉ tiêu hiệu quả nhìn chung không nằm trong số các chỉ tiêu pháp lệnh và số lượng các chỉ tiêu hiệu quả rất nhiều. Vì vậy trong thực tế rất khó khăn để thực hiện đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của DNNN.

Trong thực tiễn hoạt động, một số ngành đã đưa ra những chỉ tiêu khác nhau để đánh giá hiệu quả kinh doanh của DNNN. Vào đầu những năm 1990, ngành công nghiệp Thành phố cho rằng những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả (loại I) là những doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước. Ngành thương nghiệp Thành phố cho rằng những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả (loại I) là những doanh nghiệp sau khi nộp ngân sách Nhà nước vẫn có lợi nhuận... Các cách đánh giá này chưa phản ánh đầy đủ các mặt hiệu quả kinh doanh của DNNN như vấn đề bảo toàn và phát triển vốn, vấn đề quan hệ giữa nguồn lực với kết quả v.v...

Hiện nay nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, hệ thống chỉ tiêu đánh giá cũ không còn hợp lý. Trong thực tế ở giác độ quản lý vĩ mô chưa có hệ thống chỉ tiêu đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của DNNN. Cụ thể trong các báo cáo thống kê đối với DNNN hiện nay ở nước ta, chỉ qui định báo cáo một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, thu nhập người lao động chứ chưa qui định về chỉ tiêu đánh giá hiệu quả. Trong hệ thống báo cáo tài chính do Bộ Tài chính ban hành chỉ trình bày một số chỉ tiêu hiệu quả: Tỷ suất lợi nhuận doanh thu, tỷ suất lợi nhuận vốn v.v. trong biểu thuyết minh báo cáo tài chính, tất cả những chỉ tiêu trên không phản ánh đầy đủ hiệu quả kinh tế, xã hội mà DNNN tạo ra.

Về mặt lý luận, một số nhà nghiên cứu đã đưa ra hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống này được chia ra làm 2 phần: hiệu quả sử dụng nguồn lực và hiệu quả chi phí thường xuyên. Trong

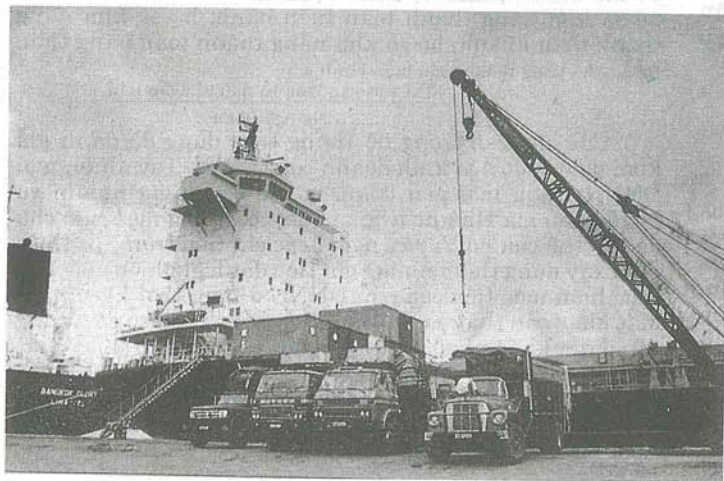
mỗi phần bao gồm các chỉ tiêu hiệu quả toàn phần và hiệu quả cận biên. Hệ thống chỉ tiêu này cũng được phân thành hiệu quả sử dụng các yếu tố riêng biệt và hiệu quả chung. Hệ thống trên giúp cho chúng ta nhận thức đầy đủ chi tiết các chỉ tiêu phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên để đánh giá một cách khái quát nhưng toàn diện cả hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của DNNN thì nên lựa chọn chỉ tiêu nào trong hệ thống trên, điều này cần phải làm rõ.

Từ những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy rằng cần thiết phải lựa chọn, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của DNNN, nhằm phục vụ cho công tác quản lý vĩ mô của Nhà Nước, giúp cho nhà nước, nhà quản lý đánh giá khái quát nhưng toàn diện cả về mặt hiệu quả kinh tế lẫn hiệu quả xã hội của DNNN.

Để khẳng định vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế thị trường, hiệu quả kinh doanh của DNNN được thể hiện ở các tiêu chuẩn cụ thể sau :

- Tỷ suất giá trị gia tăng, tỷ suất lợi nhuận cao, tự tích lũy để tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh

- Bảo toàn và phát triển được vốn
- Tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán
- Đóng góp cho ngân sách nhà nước tăng, nâng cao đời sống người lao động.



Từ những tiêu chuẩn cụ thể đó, chúng tôi lựa chọn, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của DNNN bao gồm các chỉ tiêu sau :

1. Tỷ suất giữa giá trị gia tăng với tổng vốn:

$$\text{Tỷ suất giữa giá trị gia tăng với tổng vốn} = \frac{\text{Giá trị gia tăng}}{\text{Tổng vốn}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng vốn tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra bao nhiêu đồng giá trị gia tăng nhằm thực hiện tái sản xuất mở rộng doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống người lao động. Tỷ suất giá trị gia tăng phản ánh một cách tổng quát và đầy đủ nhất hiệu quả SXKD của DNNN, phản ánh cả hiệu quả kinh tế lẫn xã hội mà DNNN tạo ra trong quá trình hoạt động.

2. Tỷ suất giữa thuế với tổng vốn:

$$\text{Tỷ suất giữa thuế với tổng vốn} = \frac{\text{Thuế phải nộp}}{\text{Tổng vốn}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng vốn tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo được bao nhiêu đồng thuế nộp vào ngân sách nhà nước. Tỷ suất thuế trên vốn phản ánh rõ nét hiệu quả đóng góp của DNNN vào nền

kinh tế quốc dân.

3. Thu nhập bình quân của người lao động:

$$\text{Thu nhập bình quân của người lao động} = \frac{\text{Tổng thu nhập của lao động}}{\text{Số lao động bình quân}}$$

Nâng cao thu nhập người lao động là tiêu chuẩn để đánh giá DNNN hoạt động có hiệu quả, điều này xuất phát từ mục đích của nền kinh tế xã hội nước ta. Chú ý rằng, tăng thu nhập bình quân của người lao động đánh giá tích cực khi tốc độ tăng của nó phải nhỏ hơn tốc độ tăng năng suất lao động. Bởi vì, chỉ đảm bảo tốt nguyên tắc đó mới đảm bảo tái sản xuất mở rộng và việc nâng cao thu nhập người lao động mới bền vững.

4. Tỷ suất giữa lợi nhuận với tổng vốn:

$$\text{Tỷ suất giữa lợi nhuận với tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận hoạt động sau thuế}}{\text{Tổng vốn}} \times 100\%$$

Lợi nhuận hoạt động sau thuế =

[Doanh thu - Tổng chi phí chưa trừ chi phí trả lãi] [1 - Thuế suất thuế lợi tức]

= Lợi nhuận sau thuế + chi phí lãi vay [1 - Thuế suất thuế lợi tức]

=> Tỷ suất giữa lợi nhuận với tổng vốn =

$$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} + \text{Chi phí lãi vay} [1 - \text{Thuế suất thuế lợi tức}]}{\text{Tổng vốn}} \times 100\%$$

Cách tính lợi nhuận trên tổng vốn trình bày trên có ưu điểm:

- Chi phí lãi vay được trừ ra khi tính lợi nhuận hoạt động nên tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn sẽ không bị tác động của nguồn tài chính tài trợ cho hoạt động. Sự biến động của chỉ tiêu này hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Vì vậy tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn phản ánh đúng hiệu quả kinh tế của việc sử dụng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh trong việc tạo ra kết quả thực chất do DNNN mang lại. Kết quả thực chất này bao gồm 2 bộ phận: một bộ phận lãi sau thuế thực sự để lại cho doanh nghiệp trả lợi tức cổ phần, bổ sung vốn vv... một bộ phận phân phối cho chủ nợ ở dạng chi phí lãi vay. Tuy nhiên chi phí lãi vay được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, nên bộ phận kết quả dùng để trả lãi vay là chi phí lãi vay sau thuế.

- Cách tính trên phân biệt được hiệu quả việc sử dụng tài sản và hiệu quả của chính sách tài chính trong việc sử dụng các nguồn tài trợ. Có những doanh nghiệp mặc dù kết quả sử dụng tài sản đạt được nhưng chính sách tài chính không phù hợp với nền kinh tế mỗi thời kỳ thì mục tiêu hiệu quả cuối cùng của mỗi doanh nghiệp không thực hiện tốt. Ở nước ta đang chủ trương phát triển thị trường tài chính, cách tính này giúp cho các nhà quản lý lựa chọn nguồn tài trợ hợp lý để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

- Cách tính này phản ánh rõ nét mức độ hoàn vốn, bởi vì tổng vốn sử dụng bao gồm vốn chủ sở hữu và nợ vay nên kết quả đạt được phải hoàn lại cho chủ sở hữu và chủ nợ ở dạng lợi nhuận sau thuế và chi phí lãi vay sau thuế.

Nhược điểm của cách tính tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn nêu trên là không phù hợp với cách trình bày các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh ở nước ta. Cụ thể là chi phí lãi vay không phải là một khoản mục trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trên thực tế dựa vào sổ sách kế toán ta vẫn xác định chi phí lãi vay phục vụ cho cách tính toán trên.

5. Tỷ suất giữa lợi nhuận với vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ suất giữa lợi nhuận với vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

Tỷ suất giữa lợi nhuận với vốn chủ sở hữu phản ánh

một cách rõ nét nhất, hiện hữu nhất, tập trung nhất trong việc đạt được mục tiêu của doanh nghiệp đó là lợi nhuận.

Nó là thước đo hoàn hảo đánh giá sự thành công của doanh nghiệp, phản ánh một cách tổng hợp hiệu quả sử dụng tài sản, hiệu quả của chính sách tài chính mà doanh nghiệp áp dụng. Chính sách tài chính hiệu quả là chính sách góp thêm vào khả năng sinh lợi bằng cách thay đổi cơ cấu nợ phù hợp với sự thay đổi của các điều kiện của thị trường.

6. Tỷ suất giữa lợi nhuận với thị giá cổ phần:

$$\text{Tỷ suất giữa lợi nhuận với thị giá cổ phần} = \frac{\text{Lợi nhuận một cổ phần}}{\text{Giá thị trường một cổ phần}} \times 100\%$$

Trong đó: Lợi nhuận một cổ phần = lợi tức mỗi cổ phần + mức tăng giá mỗi cổ phần

$$\Rightarrow \text{Tỷ suất giữa lợi nhuận với thị giá cổ phần} = \frac{\text{Lợi tức mỗi cổ phần} + \text{Mức tăng giá mỗi cổ phần}}{\text{Giá thị trường một cổ phần}}$$

Tỷ suất giữa lợi nhuận với thị giá cổ phần trực tiếp phản ánh hiệu quả đầu tư của cổ đông vào doanh nghiệp, hiệu quả này về cơ bản chỉ đạt được trên cơ sở hiệu quả hoạt động mà doanh nghiệp tạo nên. Chỉ tiêu này đạt ở mức cao sẽ thu hút mức độ hưởng ứng và tham gia đầu tư của đông đảo công chúng. Điều đó dẫn đến kết quả là giá trị cổ phần của doanh nghiệp trên thị trường ngày càng cao, thúc đẩy sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

Hiện nay nước ta đang đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN. Trong tình hình này sẽ hình thành những DNNN cổ phần (DNNN giữ cổ phần chi phối, không chế) việc sử dụng chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên thị giá cổ phần là thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của DNNN cổ phần.

7. Tỷ lệ giữa nguồn vốn tự bổ sung với nguồn vốn kinh doanh:

$$\text{Tỷ lệ giữa nguồn vốn tự bổ sung với nguồn vốn kinh doanh} = \frac{\text{Nguồn vốn tự bổ sung}}{\text{Nguồn vốn kinh doanh}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh tỷ trọng của nguồn vốn tự bổ sung trên nguồn vốn kinh doanh. Cụ thể cứ một đồng vốn kinh doanh có bao nhiêu đồng vốn tự bổ sung, thông qua đó phản ánh được tình hình bảo toàn và phát triển vốn. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp về cơ bản chỉ có thể đạt được khi hiệu quả sản xuất kinh doanh được nâng cao.

8. Tỷ số nợ:

$$\text{Tỷ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng vốn}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho thấy tỷ lệ phần trăm sử dụng nợ

(vay dài hạn, ngắn hạn, chiếm dụng) để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ số nợ là chỉ tiêu phản ánh cơ cấu, không trực tiếp phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng sự thay đổi của nó ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này phụ thuộc vào chính sách nợ mà doanh nghiệp áp dụng thích hợp với sự thay đổi của các yếu tố thị trường. Một doanh nghiệp chỉ chạy theo các mục đích sinh lợi mà không quan tâm đến sự cân bằng tài trợ của mình có thể sẽ buộc phải ngừng hoạt động hoặc phá sản. Vì vậy để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cần thiết phải nghiên cứu và sử dụng chỉ tiêu tỷ số nợ.

9. Hệ số khả năng thanh toán:

Để tồn tại và tiếp tục kinh doanh, trước hết đòi hỏi doanh nghiệp phải có tiền thanh toán các khoản nợ đến hạn. Số tiền này được thể hiện ở giá trị các loại tài sản và khả năng luân chuyển nhanh chóng thành tiền mặt của chúng. Nếu không đủ tiền đáp ứng được các nghĩa vụ trả nợ ngắn hạn, doanh nghiệp sẽ thiếu hụt tài chính, sẽ ngưng hoạt động. Vì vậy để đánh giá hiệu quả, đánh giá thành tích của quá trình quản lý cần thiết và trước hết phải nghiên cứu xem xét chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán.

Hệ số khả năng thanh toán là công cụ đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nó là điều kiện, là cơ sở đầu tiên để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Tùy theo khả năng chuyển hóa thành tiền mặt của các loại tài sản trong năm thực tế của mỗi doanh nghiệp, có thể sử dụng các hệ số khả năng thanh toán sau đây: hệ số khả năng thanh toán hiện hành, hệ số khả năng thanh toán nhanh, hệ số khả năng thanh toán bằng tiền.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \times 100\%$$

Các chỉ tiêu trong hệ thống trên dùng để đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của DNNN. Tuy nhiên mỗi DNNN trong mỗi giai đoạn cụ thể có những nhiệm vụ khác nhau mà Nhà nước giao phó, có những mục tiêu chủ đạo cụ thể của nó. Vì vậy ngoài các chỉ tiêu trên cần thiết phải xây dựng thêm những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của mỗi DNNN ở từng thời kỳ cụ thể. Mặt khác cần thấy rằng, DNNN ở mỗi ngành sẽ có những đặc điểm khác nhau. Vì vậy ngoài các chỉ tiêu khái quát được nêu trong hệ thống trên, cần thiết phải có những chỉ tiêu hiệu quả phản ánh đặc thù của từng ngành như: năng suất cây trồng, suất sản phẩm súc vật, số khách hàng được dịch vụ bình quân một giờ v.v... ■

